

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán thu-chi ngân sách năm 2025  
của trường Mầm non Giao Nhân**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON GIAO NHÂN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Giao Hưng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của trường mầm non Giao Nhân sau khi sáp nhập (Kèm theo biểu mẫu 02).

**Điều 2:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Các bộ phận của Trường Mầm non Giao Nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các bộ phận liên quan;
- Lưu VT.



Vũ Thị Ngọc Minh

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 20 /QĐ- MNGN ngày 11 /9/2025 của Trường Mầm non Giao Nhân )  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

| Số TT      | Nội dung   | Dự toán được giao    |
|------------|--|----------------------|
| 1          | 2  | 3                    |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                      |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                      |
| 1          | Lệ phí   |                      |
| 2          | Phí  |                      |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                      |
| <b>I</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          |                      |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                      |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                      |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                      |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                      |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                      |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                      |
|            | Lệ phí...  |                      |
|            | Lệ phí...  |                      |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>   |                      |
|            | Phí ...  |                      |
|            | Phí ...  |                      |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>5.595.741.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>5.595.741.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                      |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                      |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                      |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                      |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                      |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                      |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                      |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                      |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                      |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |

|            |   |                      |
|------------|---|----------------------|
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                                  | <b>5.595.741.000</b> |
| 3.1        | Kinh phí thực hiện tự chủ   | 5.107.200.000        |
|            | Trong đó 40% học phí  | 76.140.000           |
|            | Tiết kiệm 10% theo NĐ 173   | 1.000.000            |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên  | 227.375.000          |
|            | Kinh phí sửa chữa, mua sắm và phần mềm quản lý tài sản                              | 32.000.000           |
|            | Bổ sung kinh phí hợp đồng giáo viên   | 19.300.000           |
|            | Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ CPHT năm học 2024-2025 | 123.075.000          |
|            | Bổ sung kinh phí tăng cường cơ sở vật chất  | 53.000.000           |
| 3.3        | <b>Kinh phí thưởng theo nghị định 73/2024</b>                                       | <b>261.166.000</b>   |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                       |                      |
| 4.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên  |                      |
| 4.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên  |                      |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>   |                      |
| 5.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên  |                      |
| 5.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên  |                      |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>  |                      |
| 6.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên  |                      |
| 6.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên  |                      |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>  |                      |
| 7.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên  |                      |
| 7.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên  |                      |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>  |                      |
| 8.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên  |                      |
| 8.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên  |                      |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                             |                      |
| 9.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên  |                      |
| 9.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên  |                      |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>   |                      |
| 10.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên  |                      |
| 10.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên  |                      |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>   |                      |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>  |                      |

NGƯỜI LẬP BIỂU

*Hương*

Nguyễn Thu Hương

Ngày 11 tháng 9 năm 2025

CHIEU TRƯỞNG ĐƠN VỊ



CHIEU TRƯỞNG

*Vũ Lệ Ngọc Minh*

Giao Hưng, ngày 11 tháng 9 năm 2025

**BIÊN BẢN  
CÔNG KHAI VÀ NIÊM YẾT DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết định giao dự toán ngân sách số 166/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Giao Hưng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

Hôm nay vào lúc 14h ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại Trường MN Giao Nhân

\* Thành phần tham dự:

1, Bà: Vũ Thị Ngọc Minh – Hiệu trưởng

2, Bà: Mai Thị An – Phó hiệu trưởng

3, Bà : Trần Thị Nhị - Phó hiệu trưởng

4, Bà: Nguyễn Thu Hương – Kế toán

5, Bà: Nguyễn Thị Thanh- Thủ quỹ

6, Bà: Nguyễn Thị Oanh – Thư ký

7, Cùng tập thể 29/29 CB- GV Trường mầm non Giao Nhân tham dự

\* Nội dung biên bản:

Bà Vũ Thị Ngọc Minh – Hiệu trưởng công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 sau sáp nhập đồng thời niêm yết công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (Có biểu đính kèm).

\* Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 11/9/2025 đến hết ngày 26/9/2025

Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày.

**THƯ KÝ**



**Nguyễn Thị Oanh**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Vũ Thị Ngọc Minh**

Đơn vị: Trường MN Giao Nhân  
Số: 21 /BC - MNGN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Giao Hưng, ngày 11 tháng 9 năm 2025

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH SỐ LIỆU  
DỰ TOÁN THU – CHI NSNN NĂM 2025**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai NS đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ - UBND ngày 27/8/2025 của UBND xã Giao Hưng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

Căn cứ quyết định số 20 /QĐ - MNGN ngày 11/9/2025 của trường MN Giao Nhân “ Về công khai giao dự toán thu – chi NSNN 2025 “

Dưới đây là thuyết minh số tại biểu số 02 : Dự toán thu – chi NSNN 2025

**\*Tổng kinh phí giao: 5.595.741.000 đồng**

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ là: 5.107.200.000 đồng

Trong đó: 40% học phí là: 76.140.000 đồng;

Tiết kiệm 10% theo NĐ 173: 1.000.000 đồng

- Kinh phí không thực hiện tự chủ: 227.375.000 đồng

Trong đó:

+ Kinh phí sửa chữa, mua sắm và phần mềm quản lý tài sản: 32.000.000 đồng

+ Bổ sung kinh phí hợp đồng giáo viên: 19.300.000 đồng.

+ Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ CPHT năm học 2024-2025: 123.075.000 đồng.

+ Bổ sung kinh phí tăng cường cơ sở vật chất: 53.000.000 đồng.

- Kinh phí thưởng theo nghị định 73/2024/NĐCP: 261.166.000 đồng.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Vũ Thị Ngọc Minh**

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIAO HƯNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Bình năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Giao Hưng năm 2025 sau sắp xếp;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại tờ trình số 17/TTr- PKT ngày 27/08/2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, tổ chức hành chính, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trẻ em khuyết tật trên địa bàn xã Giao Hưng (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 do UBND xã giao, Văn phòng Đảng ủy xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Văn phòng HĐND và UBND xã; các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trẻ em khuyết tật trên địa bàn xã Giao Hưng tổ chức thực hiện theo quy định, đảm bảo chi ngân sách nhà nước được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; chống thất thoát lãng phí, thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước theo quy định; thực hiện đầy đủ các chính sách tiền lương, tiền thưởng theo quy định tại Nghị định

số 73/2024/NĐ-CP, lương hưu, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội và các chính sách an sinh xã hội gắn với lương cơ sở.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Chánh Văn phòng Đảng ủy xã, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trẻ em khuyết tật trên địa bàn xã, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

*Nơi nhận:*

- Thường Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Toàn

**PHỤ LỤC**  
**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Ban hành theo Quyết định số 166/QĐ- UBND ngày 27/8/2025 của UBND xã Giao Hưng)

Đơn vị : Trường Mầm non Giao Nhân

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1125010

Chương: 822      Loại: 070      Khoản: 071

| STT       | Chỉ tiêu   | ĐVT          | Dự toán giao         | Tiết kiệm 10% theo ND 173 |
|-----------|--|--------------|----------------------|---------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số cán bộ</b>  | <b>Người</b> |                      |                           |
| 1         | Số định biên được giao   | Người        | 30                   |                           |
| 2         | Số biên chế có mặt   | Người        | 30                   |                           |
| <b>II</b> | <b>Tổng số tiền</b>  | <b>Đồng</b>  | <b>5.595.741.000</b> |                           |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>  | <b>Đồng</b>  | <b>227.375.000</b>   |                           |
|           | <i>Kinh phí sửa chữa, mua sắm và phần mềm quản lý tài sản</i>                              |              | <i>32.000.000</i>    |                           |
|           | <i>Bổ sung kinh phí hợp đồng giáo viên</i>   |              | <i>19.300.000</i>    |                           |
|           | <i>Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ CPHT năm học 2024-2025</i> |              | <i>123.075.000</i>   |                           |
|           | <i>Bổ sung kinh phí tăng cường cơ sở vật chất</i>  |              | <i>53.000.000</i>    |                           |
| <b>2</b>  | <b>Kinh phí thực hiện tự chủ (nguồn 13)</b>  | <b>Đồng</b>  | <b>5.107.200.000</b> | <b>1.000.000</b>          |
|           | <i>Trong đó: 40% học phí</i>   |              | <i>76.140.000</i>    |                           |
| <b>3</b>  | <b>Kinh phí hưởng</b>  | <b>Đồng</b>  | <b>261.166.000</b>   |                           |
|           | <i>KP thưởng theo ND73/2024/NDCP (nguồn 18)</i>  |              | <i>261.166.000</i>   |                           |